

**BÁO CÁO KHẢ THI CHƯƠNG TRÌNH
PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-CCKL ngày tháng 10 năm 2021
của Chi cục Kiểm lâm)*

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05/8/2021 của Chính phủ về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Văn bản số 5004/BNN-TCLN ngày 09/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai xây dựng báo cáo khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025; Văn bản số 6152/BNN-TCLN ngày 28/9/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc góp ý hồ sơ báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

Chi cục Kiểm lâm xây dựng báo cáo khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định với những nội dung như sau:

I. HIỆN TRẠNG, KẾT QUẢ THỰC HIỆN GIAI ĐOẠN 2016-2020

Tỉnh Bình Định thuộc khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ, có diện tích tự nhiên 607.151,73 ha; trong đó diện tích đất có rừng tỉnh Bình Định 340.166,47 ha, gồm: Rừng tự nhiên 215.295,18 ha, rừng trồng 124.871,29 ha; trong đó diện tích có rừng thuộc quy hoạch 3 loại rừng 311.275,01 ha (rừng tự nhiên 214.962,77 ha; rừng trồng 96.312,24 ha), diện tích có rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 28.891,46 ha (rừng tự nhiên 332,41 ha; rừng trồng 28.559,05 ha); Độ che phủ của rừng năm 2020 là 56,03%; trong đó: độ che phủ của rừng trong quy hoạch 3 loại rừng 51,27 %, độ che phủ của rừng ngoài quy hoạch 3 loại rừng 4,76 %¹.

1. Kết quả đạt được

a) Công tác bảo vệ rừng

Công tác bảo vệ, phát triển rừng được Đảng, Nhà nước và các cấp, ngành từ tỉnh đến cơ sở quan tâm chỉ đạo; các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý bảo vệ rừng, phát triển rừng đã được ban hành kịp thời, khá đầy đủ làm cơ sở thực hiện

¹ Quyết định số 2047/QĐ-UBND ngày 21/5/2021 của UBND tỉnh Bình Định về việc phê duyệt kết quả theo dõi diễn biến rừng tỉnh Bình Định năm 2020.

công tác quản lý nhà nước về lâm nghiệp. Lực lượng kiểm lâm và các đơn vị chủ rừng đã chủ động triển khai nhiệm vụ và giải pháp thiết thực nên nhìn chung công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng giai đoạn 2016-2020 được thực hiện tương đối tốt; do đó hầu hết diện tích đất trống, đồi núi trọc trên địa bàn tỉnh đã được phủ xanh, góp phần giảm nhẹ thiên tai, ổn định môi trường sinh thái. Chất lượng diện tích rừng ngày càng được nâng lên và phát huy được giá trị môi trường, tạo nhiều vùng nguyên liệu gỗ cho công nghiệp chế biến, tăng thu nhập cho người dân. Hệ thống đường lâm nghiệp cơ bản được đáp ứng, tạo thuận lợi kết nối giao thông giữa vùng núi và đồng bằng... Tình hình phá rừng, cháy rừng, khai thác vận chuyển mua bán lâm sản, săn bắn, kinh doanh động vật hoang dã từng bước hạn chế.

- Từ năm 2016 đến năm 2020 toàn tỉnh đã giao khoán bảo vệ rừng 574.928,03 lượt ha/520.555,0 lượt ha theo kế hoạch; đạt 110,5% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 3690/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 (sau đây gọi tắt là kế hoạch giai đoạn 2016-2020); Trong đó diện tích khoán thuộc Dự án bảo vệ phát triển rừng: 242.721,42 lượt ha, diện tích khoán thuộc Chương trình 30a: 311.440,55 lượt ha, diện tích khoán thuộc Dự án JICA2: 10.744,0 lượt ha, diện tích khoán thuộc Dự án KfW6: 2.572,23 ha, diện tích khoán nguồn dịch vụ môi trường và nguồn kinh phí tự chủ 7.449,83 lượt ha.

- Về khoán nuôi tái sinh rừng: từ năm 2016 đến năm 2020 toàn tỉnh đã giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng 29.481,21 lượt ha/69.850,0 lượt ha; đạt 42,2% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020 (kết quả giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng thấp hơn so với kế hoạch vì: diện tích giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng qua 5 năm giao khoán đã sinh trưởng thành rừng, do đó các đơn vị đã lập hồ sơ chuyển đổi sang diện tích giao khoán bảo vệ rừng; mặt khác, nguồn vốn trung ương giao khoán hàng năm chỉ đủ cho diện tích khoán bảo vệ rừng và khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng chuyển tiếp nên không có kinh phí để thực hiện giao khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng mới).

Công tác giao khoán bảo vệ rừng và khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng đã hỗ trợ cho người dân một phần kinh phí để trang trải trong cuộc sống; do đó đã hạn chế được việc phá rừng làm nương rẫy, khai thác gỗ, chặt củi đốt than; đồng thời tạo được mối liên kết gắn bó giữa người dân với chủ rừng; hỗ trợ tích cực cho các ngành chức năng trong công tác bảo vệ phát triển rừng.

b) Công tác phát triển rừng

- Công tác trồng rừng: Từ năm 2016 đến năm 2020 toàn tỉnh đã trồng rừng được 50.618,2 ha rừng trồng/45.500 ha kế hoạch; đạt 111,3% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020; trong đó: rừng trồng sản xuất là 48.223,11 ha, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng là 2.415,37 ha.

- Đối với trồng rừng phòng hộ, ngập mặn: Diện tích rừng trồng phòng hộ được thực hiện theo phương thức hỗn giao giữa cây mọc nhanh (Keo lai, Keo lá tràm) với cây bản địa (Sao đen, Lim xanh, Dầu rái), diện tích rừng trồng ngập mặn được trồng bằng các loài cây Bần trắng, Mắm trắng để nâng cao hiệu quả chất lượng rừng phòng hộ; tỷ lệ thành rừng khoảng 82%.

- Đối với rừng sản xuất tập trung: Được thực hiện theo phương thức trồng thuần loài Keo lai, Keo lá tràm, mật độ trồng phổ biến 2.000 cây/ha, tỷ lệ thành rừng trên 95%, năng suất rừng trồng bình quân khoảng 120 m³/ha, tỷ lệ lợi dụng gỗ gia dụng khoảng 15%. Rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, nâng cao năng suất, công tác chọn giống cây trồng chất lượng cao ngày càng được chú trọng. Khuyến khích phát triển trồng rừng gỗ lớn. Đến năm 2020, toàn tỉnh đã trồng được 2.666,0 ha rừng gỗ lớn.

- Công tác chăm sóc rừng: Từ năm 2016 đến năm 2020, toàn tỉnh đã chăm sóc được 99.401,0 lượt ha/45.500 ha; đạt 218,5% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020; trong đó chăm sóc rừng trồng sản xuất 90.390,0 lượt ha chăm sóc rừng trồng phòng hộ 9.011,0 lượt ha.

c) Nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Năng suất rừng trồng bình quân khi khai thác chính (rừng sản xuất và rừng phòng hộ) khoảng 113 m³/ha.

- Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng từ năm 2016-2020: toàn tỉnh đã khai thác 43.178,5 ha rừng trồng với sản lượng 4.889.600 m³/3.500.000 m³; đạt 139,7% so với kế hoạch giai đoạn 2016-2020.

d) Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng

- Thực hiện Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về quản lý rừng bền vững, trong năm 2020, UBND tỉnh Bình Định đã phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2020-2025 cho Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Côn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh và Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn với tổng diện tích là 37.470,25 ha. Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh và Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn đã được cấp chứng chỉ rừng FSC với diện tích 6.964,22 ha². Tổng diện tích rừng trồng sản xuất trên địa bàn tỉnh được cấp chứng chỉ FSC là 16.726,82 ha; trong đó, diện tích rừng trồng sản xuất của Doanh nghiệp nước ngoài 9.762,6 ha, diện tích rừng trồng sản xuất của các Công ty TNHH lâm nghiệp là 6.964,27 ha.

- Hiện nay, các Ban quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững đối với các khu rừng đặc dụng, phòng hộ theo quy định của Luật Lâm nghiệp và Thông tư số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững.

đ) Công tác sản xuất giống cây lâm nghiệp

- Đến năm 2020 trên địa bàn tỉnh có 160 đơn vị sản xuất, kinh doanh giống cây trồng lâm nghiệp. Từ năm 2016-2020, các đơn vị trên địa bàn tỉnh đã sản xuất

² Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn: 4.183,67 ha (rừng tự nhiên 1.449,81 ha, rừng trồng 2.463,24 ha, khoanh nuôi, phục hồi rừng tự nhiên 234,55 ha và hành lang ven suối và khu kết nối 36,07 ha). Công ty TNHH lâm nghiệp Hà Thanh: 2.780,55 ha (rừng trồng 2.562,93 ha; khoanh nuôi, phục hồi rừng tự nhiên 217,62 ha).

được 892.090.578 cây giống lâm nghiệp các loại, gồm Keo lai giâm hom, Keo lai mô, Keo lá trà, Bạch đàn mô, Sao đen, Thông caribe, Lim xanh, Phi lao.

- Trên địa bàn tỉnh có 03 đơn vị đang ứng dụng công nghệ sinh học để sản xuất cây nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp, công suất sản xuất 32 triệu cây giống/năm³; từ năm 2016-2020, đã sản xuất được 48.053.000 cây mô các loại gồm Keo lai mô, keo lá trà mô và bạch đàn mô.

e) Nhiệm vụ khác

Chi trả dịch vụ môi trường rừng: Chính sách chi trả Dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng các quy định của pháp luật; công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách thường xuyên đã từng bước góp phần làm thay đổi nhận thức, ý thức của người dân, tác động tích cực đến công tác bảo vệ rừng, phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng trên những lưu vực cung ứng DVMTR và được chi trả tiền DVMTR. Những khu rừng cung ứng DVMTR giao khoán cho hộ gia đình, cộng đồng dân cư được bảo vệ tốt; ý thức trách nhiệm trong bảo vệ rừng của người dân, cộng đồng đồng bào dân tộc thiểu số được nâng cao. Nguồn thu từ việc nhận khoán bảo vệ rừng đã góp phần cải thiện cuộc sống của một bộ phận người dân, nâng cao hiệu quả việc bảo vệ rừng. Đối với đơn vị là tổ chức, nguồn kinh phí thu được từ DVMTR là nguồn tài chính đáng kể cho việc tăng cường tuần tra bảo vệ, phát triển rừng.

Từ năm 2016 đến năm 2020 Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Bình Định đã thu tiền từ dịch vụ môi trường rừng được 33.345,039 triệu đồng; thu tiền trồng rừng thay thế khi chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Định: 29.010,917 triệu đồng. Chi tiền dịch vụ môi trường rừng cho các đơn vị trên địa bàn tỉnh 23.348,047 triệu đồng; chi tiền trồng rừng thay thế 15.457,592 triệu đồng.

2. Kết quả huy động vốn thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí huy động vốn thực hiện Chương trình từ nguồn vốn ngân sách từ năm 2016-2020: 293.538,088 triệu đồng; trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách Trung ương: 120.972,858 triệu đồng; gồm có kinh phí đầu tư phát triển 45.000 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp 75.972,858 triệu đồng.
- Nguồn vốn ngân sách địa phương: 13.005 triệu đồng;
- Nguồn vốn ODA (vốn vay đầu tư Dự án JICA2): 96.756 triệu đồng.
- Nguồn vốn dịch vụ môi trường rừng: 33.345,040 triệu đồng;
- Nguồn vốn trồng rừng thay thế: 29.459,190 triệu đồng.

3. Đánh giá kết quả đạt được, tồn tại, khó khăn

a) Đánh giá kết quả đạt được

Qua 5 năm thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 đã mang lại nhiều kết quả đáng khích lệ, diện tích rừng tự nhiên được

³ Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn; Công ty TNHH Vũ Hà và Doanh nghiệp Tư nhân dịch vụ cây trồng Nguyên Hạnh.

bảo vệ tốt, chất lượng rừng ngày càng tăng, thực hiện nghiêm chủ trương đóng cửa rừng của Chính phủ. Chất lượng rừng trồng ngày càng được nâng lên; năng suất rừng trồng tăng từ 100 m³/ha năm 2016 lên 120m³/ha năm 2020.

Diện tích rừng trồng sản xuất được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững trên địa bàn tỉnh 16.726,87 ha; trong đó diện tích rừng trồng gỗ lớn là 2.477,2 ha, đã góp phần vào giá trị tăng trưởng của ngành. Tỷ lệ che phủ rừng tăng từ 52,5% năm 2016 lên 56,03% năm 2020. Phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, nâng cao giá trị gia tăng, tạo việc làm, tăng thu nhập cho người làm nghề rừng, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số ở các huyện miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo.

b) Tồn tại, khó khăn

- Công tác bảo vệ rừng nhìn chung được thực hiện tốt, nhưng rừng tự nhiên vẫn còn đối mặt với nhiều khó khăn do sự tác động ngày càng nhiều vào rừng của con người nhất là nạn phá rừng, khai thác gỗ trái phép; các giải pháp về bảo vệ phát triển rừng đặc dụng chưa được đầu tư thực hiện đúng mức; biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt. Sinh trưởng của rừng đặc biệt là rừng trồng đang bị đe dọa bởi thời tiết cực đoan, nắng nóng kéo dài dễ xảy ra cháy rừng; gió bão gây đổ gãy gây thiệt hại cho rừng trồng.

- Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội và đang chuyển hướng theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại, như: Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích của rừng và nghề rừng còn rất khác nhau; sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp còn thấp. Vai trò và tác động của rừng và nghề rừng đối với xoá đói giảm nghèo chưa cao.

- Công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp chưa được triển khai đồng bộ; hiện nay trên địa bàn tỉnh mới có 03 công ty TNHH lâm nghiệp nhà nước, 01 Ban quản lý rừng đặc dụng và 02 Ban quản lý rừng phòng hộ đã có quyết định giao đất, cho thuê đất; còn lại 05 Ban quản lý rừng phòng hộ chưa có quyết định giao đất, cho thuê đất; nhiều hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất lâm nghiệp lâu dài, ổn định.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN LÂM NGHIỆP BỀN VỮNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Sự cần thiết

Thực hiện Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 886/QĐTTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ đến nay đã đạt nhiều thành tựu quan trọng; xây dựng ngành Lâm nghiệp phát triển bền vững là một trong những giải pháp tổng hợp, tiết kiệm, hiệu quả nhất để tăng cường tính chống chịu, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra; tạo điều kiện cho các ngành kinh tế khác phát triển, đồng thời ổn định cuộc sống của người dân ở các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

Để tiếp tục phát triển lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh; cần thiết phải tiếp tục xây dựng và thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025.

2. Thông tin về chương trình

a) Tên chương trình: Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Chủ quản chương trình: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định.

c) Đối tượng thụ hưởng của chương trình

Các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tham gia sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị gồm: quản lý, bảo vệ, phát triển, sử dụng rừng, chế biến và thương mại lâm sản...

d) Phạm vi thực hiện Chương trình

Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững tỉnh Bình Định thực hiện các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại các khu vực ngoài khu vực II, khu vực III theo Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững, không bao gồm các hoạt động:

- Các hoạt động thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Các hoạt động bảo vệ và phát triển rừng tại các xã có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (khu vực II và III) thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi do Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 đảm bảo kinh phí thực hiện theo Nghị quyết 120/2020/QH14 ngày 29/6/2020 của Quốc hội khóa XIV, để đạt được mục tiêu của Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025.

đ) Thời gian và tiến độ thực hiện Chương trình

- Thời gian thực hiện: 05 năm, từ năm 2021 đến năm 2025.

- Tiến độ thực hiện:

- + Năm 2021: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 42.444 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 20.049 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 178 ha, trồng rừng tập trung 8.000 ha, chăm sóc rừng trồng 19.000 ha; trồng cây phân tán 1.840 nghìn cây.

- + Năm 2022: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 42.502 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 20.049 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 204 ha, trồng rừng tập trung 8.000 ha, chăm sóc rừng trồng 19.000 ha; trồng cây phân tán 1.896 nghìn cây.

- + Năm 2023: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 42.547 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 20.049 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 204 ha, trồng rừng tập trung 8.000 ha, chăm sóc rừng trồng 19.000 ha; trồng cây phân tán 1.835 nghìn cây.

+ Năm 2024: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 42.786 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 20.049 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 26 ha, trồng rừng tập trung 8.000 ha, chăm sóc rừng trồng 19.000 ha; trồng cây phân tán 1.825 nghìn cây.

+ Năm 2025: hỗ trợ khoán bảo vệ rừng 42.838 ha, hỗ trợ bảo vệ rừng 20.049 ha, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên 26 ha, trồng rừng tập trung 8.000 ha, chăm sóc rừng trồng 19.000 ha; trồng cây phân tán 1.720 nghìn cây.

e) Cơ quan, đơn vị thực hiện chương trình

Sở Nông nghiệp và PTNT và các Sở, ngành liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Giám đốc các công ty TNHH lâm nghiệp, Trung tâm Khuyến nông, Giám đốc các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng và các đơn vị có liên quan trên địa bàn tỉnh Bình Định.

3. Mục tiêu

a) Mục tiêu chung

Phát triển Lâm nghiệp thực sự trở thành ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, liên kết theo chuỗi từ phát triển rừng, bảo vệ rừng, sử dụng rừng đến chế biến và thương mại lâm sản; quản lý, bảo vệ, phát triển và sử dụng bền vững diện tích rừng và diện tích đất quy hoạch cho phát triển lâm nghiệp; phát huy tiềm năng, vai trò và tác dụng của rừng để góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người dân gắn với bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu; góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh, an toàn, trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh Bình Định.

b) Mục tiêu cụ thể

- Bảo vệ và phát triển bền vững đối với toàn bộ diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021-2025; quản lý chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, duy trì ổn định độ che phủ rừng đến năm 2025 đạt trên 58%; tiếp tục nâng cao năng suất, chất lượng rừng, đáp ứng yêu cầu về cung cấp nguyên liệu cho sản xuất và tiêu dùng, phòng hộ và bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, giảm thiểu tác động tiêu cực do thiên tai, tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 5,0-5,5% năm.

- Phát triển Lâm nghiệp gắn với phát triển kinh tế, ổn định xã hội và bảo vệ môi trường, cân bằng sinh thái; phát triển kinh tế rừng toàn diện, bền vững, góp phần tạo việc làm, thu nhập cho người làm nghề rừng. Đến năm 2025, giá trị thu nhập từ rừng trồng là rừng sản xuất tăng bình quân khoảng 1,5 lần/đơn vị diện tích so với năm 2020.

4. Nội dung, chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình

a) Nội dung:

- Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên hiện có, thực hiện hiệu quả các chương trình, dự án về bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng.

- Trồng và chăm sóc rừng đặc dụng, phòng hộ, sản xuất, nhất là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển với suất đầu tư được xác định theo đúng định mức kinh tế - kỹ thuật và điều kiện cụ thể của nơi trồng.

b) Chi tiêu, nhiệm vụ chủ yếu thực hiện Chương trình

- Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học các hệ sinh thái rừng

+ Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên; đảm bảo cơ cấu 3 loại rừng hợp lý (rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất); thực hiện hiệu quả công tác phòng cháy, chữa cháy rừng;

+ 100% diện tích rừng của các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ và các chủ rừng là tổ chức thuộc các thành phần kinh tế được quản lý hiệu quả, bền vững;

+ Thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2021-2025 của các chương trình, dự án 213.118 lượt ha (bình quân 42.624 ha/năm); Hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên sản xuất của các công ty TNHH lâm nghiệp: 100.245 lượt ha (bình quân 20.049 ha/năm); Khoán Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên: 637 lượt ha (bình quân 148 ha/năm);

+ Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại các khu rừng đặc dụng, các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao.

- Về phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

+ Trồng rừng tập trung giai đoạn 2021-2025 diện tích 40.000 ha (bình quân 8.000 ha/năm); trong đó trồng rừng phòng hộ, đặc dụng 804 ha (bình quân 161 ha/năm); trồng rừng sản xuất 39.196 ha (bình quân 7.839 ha/năm); Trong đó tiếp tục triển khai trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định 2240/QĐ-UBND ngày 19/7/2018 của UBND tỉnh Bình Định; theo đó đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định có 10.000 ha rừng trồng sản xuất gỗ lớn;

+ Chăm sóc rừng trồng giai đoạn 2021-2025 diện tích 95.000 ha (bình quân 19.000 ha/năm); trong đó chăm sóc rừng trồng phòng hộ, đặc dụng 2.147 ha (bình quân 429 ha/năm); chăm sóc rừng trồng sản xuất 92.853 ha (bình quân 18.571 ha/năm);

+ Trồng cây phân tán giai đoạn 2021-2025 là 9.116 nghìn cây (bình quân 1.823 nghìn cây/năm);

+ Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng: đến năm 2025, năng suất rừng trồng đạt bình quân 25 m³/ha/năm, sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng giai đoạn 2021-2025 đạt bình quân 5.000.000 m³.

- Quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng

trồng.

+ Xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững: Tiếp tục xây dựng Phương án quản lý rừng bền vững theo quy định tại Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT đối với các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng trên địa bàn tỉnh. Diện tích rừng xây dựng và thực hiện phương án quản lý rừng bền vững giai đoạn 2021-2025 dự kiến là: 72.857,10 ha;

+ Tổ chức quản lý, khai thác hiệu quả, bền vững đối với 100% diện tích rừng sản xuất là rừng trồng; đến năm 2025, có thêm 10.000 ha rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững.

5. Nội dung ưu tiên, dự án thuộc Chương trình

Các dự án đã được tổng hợp đề xuất trong hệ thống quốc gia về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Các Dự án Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ, đặc dụng, ngập mặn, môi trường cảnh quan giai đoạn 2021-2025 thuộc Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định.

6. Tổng vốn đầu tư Chương trình, cơ chế huy động vốn

Tổng mức vốn thực hiện Chương trình: 2.005.999 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách nhà nước: 187.259 triệu đồng, chiếm 9,33%, gồm:

- Ngân sách Trung ương: 164.729 triệu đồng, chiếm 8,21%, gồm: Vốn đầu tư phát triển 19.558 triệu đồng; Vốn sự nghiệp kinh tế 145.171 triệu đồng.

- Ngân sách địa phương: 22.530 triệu đồng, chiếm 1,12%, gồm: Vốn đầu tư phát triển 20.030 triệu đồng; Vốn sự nghiệp kinh tế 2.500 triệu đồng.

b) Các nguồn vốn hợp pháp khác: 1.818.740 triệu đồng, chiếm 90,67%, gồm: Vốn Dịch vụ môi trường rừng: 1.500 triệu đồng; Vốn vay tín dụng: 113.500 triệu đồng; Vốn hợp pháp khác: 1.703.740 triệu đồng.

(Có các Biểu mẫu kèm theo)

7. Giải pháp để thực hiện Chương trình

a) Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật: Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao ý thức xã hội về quản lý, bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng, phòng, chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức về phát triển rừng bền vững, trồng rừng sản xuất gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

b) Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp

- Quản lý chặt chẽ, điều chỉnh kịp thời quy hoạch 3 loại rừng cho phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất trên địa bàn tỉnh; Kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, xử lý kiên quyết các hành vi vi phạm pháp luật đối với hoạt động mua bán, chuyển nhượng rừng và đất lâm nghiệp trái phép.

- Thực hiện công tác giao rừng, thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, thuê đất lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp; phối hợp thực hiện công tác giao đất, gắn với giao rừng cho 05 Ban quản lý rừng phòng hộ chưa có quyết định giao đất và các hộ gia đình, cá nhân chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp để phát triển sản xuất lâm nghiệp lâu dài, ổn định.

- Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng, phát triển rừng, hình thành các vùng nguyên liệu tập trung phục vụ sản xuất, chế biến gỗ và lâm sản; thực hiện quản lý rừng trồng gắn với cấp chứng chỉ rừng để nâng cao hiệu quả sản xuất lâm nghiệp.

c) Công tác khoa học công nghệ và khuyến lâm

Triển khai thực hiện các đề tài khoa học nghiên cứu, chọn tạo cải thiện giống cây rừng, kỹ thuật thâm canh rừng và phát triển rừng trồng gỗ lớn phục vụ phát triển rừng sản xuất.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống cây trồng lâm nghiệp.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp: ứng dụng phần mềm hệ thống cảnh báo cháy rừng; hệ thống phát hiện nhanh điểm cháy; phần mềm cập nhật diễn biến rừng; phần mềm thống kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp; phần mềm điều tra, kiểm kê rừng.

d) Huy động các nguồn vốn

- Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện Chương trình, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân.

- Lồng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn.

- Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức thực hiện Chương trình

a) Ủy ban nhân dân tỉnh

- Thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025, để chỉ đạo triển khai thực hiện Chương trình tại địa phương, đảm bảo hiệu quả. Thường trực Chương trình cấp tỉnh đặt tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, giúp Ban Chỉ đạo cấp tỉnh tổ chức thực hiện Chương trình và quản lý các Dự án phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021 - 2025 tại địa phương.

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương; rà soát, đề xuất các dự án đầu tư để thực hiện chương trình; xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn hàng năm và 5

năm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

- Bố trí vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thực hiện Chương trình trên địa bàn.

- Chỉ đạo xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh để gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, xây dựng Báo cáo nghiên cứu khả thi Chương trình.

- Quản lý các dự án thuộc địa phương quản lý và tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình ở địa phương.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về Chương trình mục tiêu Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025, để chỉ đạo, triển khai và thực hiện Chương trình tại địa phương, đảm bảo hiệu quả.

- Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo triển khai và thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển ngành lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; rà soát, đề xuất các dự án đầu tư để thực hiện Chương trình; xây dựng kế hoạch, nhu cầu vốn hàng năm và 5 năm gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ.

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; định kỳ báo cáo các bộ ngành liên quan về tiến độ thực hiện Chương trình và tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết Chương trình ở địa phương.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT cân đối và bố trí kế hoạch vốn ngân sách hàng năm đủ và kịp thời để thực hiện có hiệu quả các nội dung Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổ chức thực hiện Chương trình; tham gia kiểm tra, giám sát thực hiện Chương trình.

d) Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giải quyết các vấn đề về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp gắn với giao rừng, cho thuê rừng theo quy hoạch đã được phê duyệt; xử lý tình trạng vi phạm về quản lý sử dụng đất lâm nghiệp, như lấn, chiếm, tranh chấp, sử dụng đất lâm nghiệp trái phép.

đ) UBND các huyện, thị xã, thành phố tăng cường chỉ đạo, thực hiện trách nhiệm về công tác quản lý nhà nước về rừng và đất lâm nghiệp, công tác bảo vệ, phát triển rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng tại địa phương; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 địa phương mình quản lý.

9. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội chung của Chương trình

a) Hiệu quả về kinh tế: Góp phần sử dụng có hiệu quả diện tích đất lâm nghiệp trong công tác bảo vệ và phát triển rừng, góp phần tăng thu nhập cho người làm nghề rừng và tăng giá trị sản xuất lâm nghiệp của tỉnh, từng bước nâng cao đời

sống kinh tế cho người dân. Đáp ứng các nhu cầu về gỗ và lâm sản khác cho tiêu dùng trong tỉnh và chế biến xuất khẩu, góp phần đưa lâm nghiệp thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh.

b) Hiệu quả về xã hội: Góp phần tạo việc làm cho người lao động tham gia công tác bảo vệ, phát triển rừng, khai thác rừng trồng, sản xuất, chế biến gỗ, lâm sản ngoài gỗ và các làng nghề thủ công mỹ nghệ; nâng cao nhận thức của toàn dân về quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững.

c) Hiệu quả về môi trường: Góp phần bảo vệ rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, phát huy năng lực phòng hộ, bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước, hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tạo nguồn thu từ các dịch vụ môi trường (phí môi trường, giảm khí thải CO₂, du lịch sinh thái...). Nâng cao độ che phủ rừng.

Trên đây là báo cáo khả thi Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định. Chi cục Kiểm lâm kính trình Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trình UBND tỉnh phê duyệt để các đơn vị triển khai thực hiện./.
